

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, tòa nhà Mitec, Lô E2, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Mitec, Lô E2, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Từ ngày 01/08/2020
Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch	Đến ngày 01/08/2020
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Đến ngày 01/08/2020

##### Ban Kiểm soát:

Bà Vũ Thị Bích Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Thoa	Thành viên
Bà Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên

##### Ban Giám đốc:

Ông Bùi Thái Hòa	Giám đốc
Ông Phạm Thái Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến thời điểm lập Báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, tòa nhà Mitec, Lô E2, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

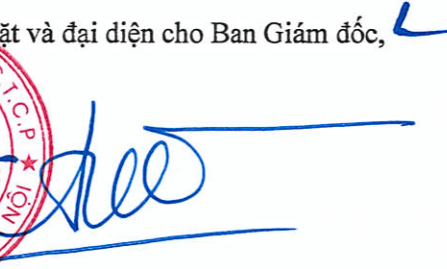
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (trong năm 2020) và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (từ 01/01/2021) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Bùi Thái Hòa**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Số: 55/2021/UHY - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/03/2021 trình bày từ trang 06 đến trang 30 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là: 7,753 tỷ đồng chưa được Công ty xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Tại ngày 01/01/2020 là 8,553 tỷ đồng). Đây là các khoản nợ phải thu thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc trích lập thiếu dự phòng phải thu khó đòi do quá hạn thanh toán với giá trị 8,553 tỷ đồng trên Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán số 105/2019/ASCO HT - BCKT ngày 14/03/2020.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

số: 0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021*

A blue ink signature of Nguyễn Văn Hải.

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

số: 1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>01/01/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110.351.344.506</b>	<b>109.201.758.280</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.571.832.732</b>	<b>3.699.520.240</b>
Tiền	111		1.571.832.732	699.520.240
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	3.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.200.000.000</b>	<b>27.179.931.507</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.200.000.000	27.179.931.507
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.997.485.462</b>	<b>61.374.273.995</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.310.644.637	25.990.074.359
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.409.101.720	8.086.446.482
Các khoản phải thu khác	136	7	41.722.520.843	33.149.596.957
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(6.444.781.738)	(5.851.843.803)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.209.841.419</b>	<b>16.442.666.063</b>
Hàng tồn kho	141	9	23.209.841.419	16.442.666.063
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>372.184.893</b>	<b>505.366.475</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	372.184.893	505.366.475
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.412.311.932</b>	<b>21.605.290.092</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.873.849.100</b>	<b>4.873.849.100</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.873.849.100	4.873.849.100
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.529.594.523</b>	<b>11.120.663.223</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.529.594.523	11.120.663.223
- Nguyên giá	222		22.928.326.265	22.971.115.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.398.731.742)	(11.850.452.592)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.005.546.568</b>	<b>3.005.546.568</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.005.546.568	3.005.546.568
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.003.321.741</b>	<b>2.605.231.201</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.003.321.741	2.605.231.201
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>131.763.656.438</b>	<b>130.807.048.372</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.569.053.652</b>	<b>35.761.136.204</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.569.053.652</b>	<b>35.761.136.204</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.919.373.819	12.566.417.633
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		826.514.806	627.482.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.818.762.207	1.835.238.926
Phải trả người lao động	314		4.369.422.455	4.679.284.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	14.574.437.000	13.929.757.600
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		650.719.364	275.610.454
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.298.028.522	1.799.350.556
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	99.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		111.795.479	47.895.479
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>95.194.602.786</b>	<b>95.045.912.168</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>95.194.602.786</b>	<b>95.045.912.168</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.921.568.445	4.772.877.827
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		104.252.827	500.596.487
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.817.315.618	4.272.281.340
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>131.763.656.438</b>	<b>130.807.048.372</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Bùi Thái Hòa

Nguyễn Xuân Hoàng

Phạm Thị Hiền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	70.319.409.547	72.354.771.038
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.319.409.547	72.354.771.038
Giá vốn hàng bán	11	19	59.080.132.977	61.895.188.075
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.239.276.570	10.459.582.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.636.931.833	2.075.610.938
Chi phí tài chính	22	21	159.090.827	75.994.230
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		159.090.827	75.994.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6.995.217.375	6.986.774.492
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.721.900.201	5.472.425.180
Chi phí khác	32	23	97.470.555	94.858.803
Lợi nhuận khác	40		(97.470.555)	(94.858.803)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.624.429.646	5.377.566.377
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	807.114.028	1.105.285.036
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.817.315.618	4.272.281.340
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	539	456

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Bùi Thái Hòa

Nguyễn Xuân Hoàng

Phạm Thị Hiền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		5.624.429.646	5.377.566.377
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		591.068.700	581.977.788
Các khoản dự phòng	03		592.937.935	592.937.935
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.636.931.833)	(2.075.610.938)
Chi phí lãi vay	06		159.090.827	75.994.230
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.330.595.275	4.552.865.392
<i>Tăng giảm các khoản phải thu</i>	09		7.643.040.971	2.959.735.375
<i>Tăng giảm hàng tồn kho</i>	10		(6.767.175.356)	(3.921.109.925)
<i>Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</i>	11		(819.090.544)	(4.766.919.700)
<i>Tăng giảm chi phí trả trước</i>	12		(264.908.958)	(27.534.695)
<i>Tiền lãi vay đã trả</i>	14		(159.090.827)	(75.994.230)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</i>	15		(405.285.036)	(1.783.982.047)
<i>Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</i>	16		-	29.213.356
<i>Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</i>	17		(136.100.000)	(417.045.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		4.421.985.525	(3.450.771.474)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
<i>Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	23		(10.200.000.000)	(45.379.931.507)
<i>Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	24		15.179.931.507	51.900.000.000
<i>Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	27		1.777.741.460	2.075.610.938
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		6.757.672.967	8.595.679.431
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Tiền thu từ đi vay</i>	33		14.352.136.131	24.018.029.215
<i>Tiền chi trả nợ gốc vay</i>	34		(14.352.235.131)	(24.017.930.215)
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</i>	36		(3.307.247.000)	(1.948.937.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(3.307.346.000)	(1.948.838.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		7.872.312.492	3.196.069.457
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	4	3.699.520.240	503.450.783
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	4	11.571.832.732	3.699.520.240

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021



Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Bùi Thái Hòa

Nguyễn Xuân Hoàng

Phạm Thị Hiền

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103022798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần 14 ngày 26/10/2017.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 89.372.500.000 đồng, chia thành 8.937.250 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

#### **1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Buôn bán, cho thuê máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2 KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên các khoản phải thu khó đòi, quá hạn của các khoản nợ và mức dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 15

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Trong năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là Công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	529.778.362	524.485.619
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.042.054.370	175.034.621
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	3.000.000.000
	<u>11.571.832.732</u>	<u>3.699.520.240</u>

(\*): Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất từ 3%-5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>22.200.000.000</b>	-	<b>27.179.931.507</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.200.000.000	-	27.179.931.507	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn		-	5.179.931.507	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.200.000.000	-	17.000.000.000	-

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.310.644.637</b>	<b>25.990.074.359</b>
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương	1.131.104.236	1.131.104.236
- Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT	1.737.500.000	1.944.300.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc VN	-	8.521.462.241
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì Đường cao tốc VN	341.593.332	2.841.593.332
- Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quảng Tây Trung Quốc	1.191.713.133	1.191.713.133
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế XD và TM TLC	2.299.310.959	2.299.310.959
- Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng VN - VINACONEX	2.210.951.982	2.210.951.982
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV	1.246.049.439	1.681.013.750
- Công ty CP Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco	2.498.964.146	2.498.964.146
- Các khách hàng khác	1.653.457.410	1.669.660.580
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>14.310.644.637</b>	<b>25.990.074.359</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>341.593.332</b>	<b>11.363.055.573</b>
(Chi tiết tại thuyết minh số 28)		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>41.722.520.843</b>	<b>(3.244.993.142)</b>	<b>33.149.596.957</b>	<b>(3.199.777.778)</b>
- Tạm ứng người lao động	898.506.793	-	865.394.018	-
- Công ty CP Chứng khoán Tràng An (1)	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Phải thu doanh thu trích trước	35.960.512.993	-	27.280.046.314	-
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV (2)	13.908.793.931	-	12.009.869.388	-
+ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (3)	21.612.657.513	-	14.831.115.377	-
+ Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam (4)	439.061.549	-	439.061.549	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	852.018.222	-	992.827.849	-
- Phải thu Ông Nguyễn Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa (5)	766.335.634	-	766.335.634	-
- Phải thu khác	45.369.423	(45.215.364)	45.215.364	-
<b>Dài hạn</b>	<b>4.873.849.100</b>	-	<b>4.873.849.100</b>	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	4.873.849.100	-	4.873.849.100	-
+ Công ty CP Khoáng sản XD Bắc Trung Nam	3.873.849.100	-	3.873.849.100	-
+ Công ty CP Tập đoàn K-MS	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>46.596.369.943</b>	<b>(3.244.993.142)</b>	<b>38.023.446.057</b>	<b>(3.199.777.778)</b>
<b>Phải thu khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	<b>22.051.719.062</b>	-	<b>15.270.176.926</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

- (1) Là khoản tiền chuyển nhượng 15.000.000 có phần của Công ty CP Fortika Trung Yên theo Hợp đồng số 27122011/HĐCNCP/DCT-TAS kí kết giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Tráng An. Tuy nhiên, Công ty CP Chứng khoán Tráng An không chuyển nhượng cổ phần theo điều khoản hợp đồng. Công ty CP Chứng khoán Tráng An đã phá sản.  
Ngày 07,08 và ngày 10/01/2019, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử ông Lê Hồ Khôi – Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Tráng An và đồng bọn về tội chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt 18 năm tù. Do đó, việc khởi kiện ông Lê Hồ Khôi trong vụ án dân sự khi đang thụ án hình sự là rất khó và không khả thi để thu hồi số tiền nói trên.
- (2) Là khoản phải thu phát sinh do sản lượng công việc đã hoàn thành đang chờ thanh toán từ Tổng Công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV của công trình thi công xây lắp trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi: 195.529.386 đồng và công trình đường ven biển Hải Phòng: 13.713.264.545 đồng.
- (3) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí 2 tuyến Nội Bài – Lào Cai và tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang chờ Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, VEC phê duyệt quyết toán các năm 2015 – năm 2020.
- (4) Là khoản phải thu phát sinh do công tác vận hành, bảo trì và thu phí tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang chờ VEC – O&M phê duyệt quyết toán năm 2019.
- (5) Đây là số tiền phát sinh từ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng số 05-2012/DCTVN-HDB ngày 21/05/2012 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo. Số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng (lãi suất 12%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và TM TLC (1)	2.299.310.959	(654.758.300)	2.299.310.959	(424.827.204)
- Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT (2)	1.737.500.000	-	1.944.300.000	-
- Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa	766.335.634	-	766.335.634	-
- Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	123.477.864	(123.477.864)	123.477.864	(123.477.864)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh VL Xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	(1.454.828.918)	1.454.828.918	(1.454.828.918)
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng và BDS Thái Bình Dương (3)	1.131.104.236	(322.214.454)	1.131.104.236	(209.104.030)
- Công ty CP Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco (4)	2.498.964.146	(499.792.830)	2.498.964.146	(249.896.415)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Việt	68.118.908	(68.118.908)	68.118.908	(68.118.908)
- Công ty CP Đầu tư và XNK Mỹ Sơn	797.500.000	-	797.500.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên 319.5	121.812.686	(121.812.686)	121.812.686	(121.812.686)
	<b>14.198.731.129</b>	<b>(6.444.781.738)</b>	<b>14.405.531.129</b>	<b>(5.851.843.803)</b>

(1) Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn luật khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC nhằm thu hồi khoản công nợ này năm 2017 đã có quyết định tòa án. Năm 2018, Cơ quan thi hành án phải ra Quyết định số 31/QĐ-CCTHANDS ngày 07/08/2018 vì chưa có điều kiện thi hành án. Do vậy, đến nay vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào.

(2) Công ty đang nỗ lực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ. Trong năm 2020, Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT đã trả thêm cho VECS 206.800.000 đồng

(3) Công ty đã thuê tư vấn luật, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và BDS Thái Bình Dương nhằm thu hồi khoản công nợ này.

(4) Công ty đã gửi đơn ra Chi cục thi hành án Quận Thanh Xuân yêu cầu thi hành án đối với Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco nhưng chưa có kết quả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>23.209.841.419</b>	-	<b>16.442.666.063</b>	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai	8.695.039.041	-	4.728.068.382	-
- Giá trị hạng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (*)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
- Đảm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5, A7 (Quảng Tây)	1.783.748.464	-	1.783.748.464	-
- Thu phí Cầu Thái Hà (Tỉnh Thái Bình)	-	-	78.674.000	-
- Xây dựng Trạm dịch vụ Bắc Quảng Ngãi	-	-	40.929.451	-
- Tổ chức công tác VHBT tuyến ĐN - QN từ Km 0 đến Km 65	5.395.939.792	-	741.917.834	-
- Vá ổ gà Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	203.736.215	-	602.792.707	-
- Thu phí Cao tốc DDN - QN từ Km65 - Km131+500	-	-	1.581.360.052	-
- Gói thầu Xây lắp A1.1 (Km65+000 - Km181+150)	246.202.734	-	-	-
	<b>23.209.841.419</b>	-	<b>16.442.666.063</b>	-

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai
  - Giá trị hạng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (\*)
  - Đảm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5, A7 (Quảng Tây)
  - Thu phí Cầu Thái Hà (Tỉnh Thái Bình)
  - Xây dựng Trạm dịch vụ Bắc Quảng Ngãi
  - Tổ chức công tác VHBT tuyến ĐN - QN từ Km 0 đến Km 65
  - Vá ổ gà Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi
  - Thu phí Cao tốc DDN - QN từ Km65 - Km131+500
  - Gói thầu Xây lắp A1.1 (Km65+000 - Km181+150)

(\*): Là chi phí thực hiện san lấp tạo mặt bằng tránh người dân tái chiếm để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ tại Cầu Giẽ - Ninh Bình phát sinh từ năm 2013. Dự án do Công ty Hanshin E&C làm chủ đầu tư và kết hợp với VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013, Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam chọn nhà đầu tư khác để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ. Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng Công ty kiến nghị được thanh toán phần chi phí trên. Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng Công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại Trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, Hội đồng thành viên Tổng Công ty vẫn đang nghiên cứu phương án xử lý cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2020	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	78.656.217	1.689.137.147	22.971.115.815
- Thanh lý, nhượng bán, hỏng hóc	-	-	-	(42.789.550)	-	(42.789.550)
31/12/2020	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	35.866.667	1.689.137.147	22.928.326.265
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2020	6.148.836.802	336.795.897	3.971.271.879	78.656.217	1.314.891.797	11.850.452.592
- Khấu hao trong năm (*)	-	-	581.977.789	-	9.090.911	591.068.700
- Thanh lý, nhượng bán, hỏng hóc	-	-	-	(42.789.550)	-	(42.789.550)
31/12/2020	6.148.836.802	336.795.897	4.553.249.668	35.866.667	1.323.982.708	12.398.731.742
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2020	9.046.407.702	256.834.467	1.443.175.704	-	374.245.350	11.120.663.223
31/12/2020	9.046.407.702	256.834.467	861.197.915	-	365.154.439	10.529.594.523

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 2.274.667.318 đồng.

(\*): Năm 2020, do không có doanh thu cho thuê Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc nên Công ty tạm ngưng trích khấu hao các tài sản tại khu vực này (trước đây Công ty cũng đã có văn bản xin ý kiến của Cục thuế Hà Nội tuy nhiên không có phản hồi). Năm 2021, sau khi hoàn tất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty sẽ hợp tác kinh doanh, có phát sinh doanh thu và sẽ tiếp tục khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>372.184.893</b>	<b>505.366.475</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.548.947	149.248.436
- Chi phí thuê văn phòng	211.708.598	319.665.442
- Phí bảo lãnh ngân hàng	155.927.348	36.452.597
<b>Dài hạn</b>	<b>3.003.321.741</b>	<b>2.605.231.201</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	265.722.634	146.824.017
- Phí bảo lãnh ngân hàng	-	5.755.116
- Phân bổ chi phí san lấp mặt bằng mô Núi Cốc	1.532.443.457	1.532.443.457
- Công trình Biển quảng cáo Nội Bài - Lào Cai	71.618.463	119.746.071
- Công trình Biển quảng cáo Long Thành - Dầu Giây	25.834.257	25.834.257
- Tiền thuê đất của trung tâm ĐH Vĩnh Phúc	1.107.702.930	774.628.283
	<b>3.375.506.634</b>	<b>3.110.597.676</b>

**12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Hệ thống biển Quảng cáo Cầu Giẽ - Ninh Bình	534.408.757	534.408.757
- Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc	9.800.000	9.800.000
- Các hạng mục công trình khu dịch vụ Km 171+500 đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2.461.337.811	2.461.337.811
	<b>3.005.546.568</b>	<b>3.005.546.568</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
 Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.919.373.819</b>	<b>10.919.373.819</b>	<b>12.566.417.633</b>	<b>12.566.417.633</b>
- Công ty CP Khoáng sản XD Bắc Trung Nam	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 6	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
- Công ty CP Xây lắp công nghiệp Nam Định	1.343.083.117	1.343.083.117	2.333.709.832	2.333.709.832
- Công ty CP Xây lắp 898	2.461.540.767	2.461.540.767	2.696.615.332	2.696.615.332
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina Asphalt	1.197.684.300	1.197.684.300	1.197.684.300	1.197.684.300
- Các đối tượng khác	382.406.426	382.406.426	803.748.960	803.748.960
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>10.919.373.819</b>	<b>10.919.373.819</b>	<b>12.566.417.633</b>	<b>12.566.417.633</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020		Số đã nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		31/12/2020	
	01/01/2020 VND	VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	31/12/2020 VND	31/12/2020 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.835.238.926</b>	<b>3.463.387.687</b>	<b>3.479.864.406</b>	<b>3.463.387.687</b>	<b>1.818.762.207</b>	<b>3.479.864.406</b>	<b>1.818.762.207</b>	<b>1.818.762.207</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.408.845.867	2.252.102.349	2.698.936.741	3.463.387.687	962.011.475	3.479.864.406	962.011.475	962.011.475
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.285.035	807.114.028	405.285.036	807.114.028	807.114.027	405.285.036	807.114.027	807.114.027
- Thuế thu nhập cá nhân	21.108.024	57.474.263	28.945.582	57.474.263	49.636.705	28.945.582	49.636.705	49.636.705
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	343.697.047	343.697.047	343.697.047	-	343.697.047	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	-	-
	<b>1.835.238.926</b>	<b>3.463.387.687</b>	<b>3.479.864.406</b>	<b>3.463.387.687</b>	<b>1.818.762.207</b>	<b>3.479.864.406</b>	<b>1.818.762.207</b>	<b>1.818.762.207</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.574.437.000</b>	<b>13.929.757.600</b>
- Tổ chức công tác VHBT tuyến Nội Bài - Lào Cai	757.275.802	788.253.269
- Xây dựng Trạm dịch vụ tuyến Nội Bài - Lào Cai	1.021.195.490	922.300.124
- Công trình Đường ven biển Hải Phòng	11.945.325.694	12.161.639.389
- Công tác Vận hành bảo trì CT Đà Nẵng - Quảng Ngãi	850.640.014	57.564.818
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>14.574.437.000</b>	<b>13.929.757.600</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.298.028.522</b>	<b>1.799.350.556</b>
- Bảo hiểm xã hội	1.221.169	67.724.269
- Bảo hiểm y tế	215.501	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	95.779	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.296.496.073	1.731.626.287
+ <i>Phải trả tiền cổ tức</i>	<i>2.128.423.675</i>	<i>967.045.675</i>
+ <i>Các khoản khác</i>	<i>1.168.072.398</i>	<i>764.580.612</i>
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>3.298.028.522</b>	<b>1.799.350.556</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường Cao tốc VN	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Blue Point	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đông Đô	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ông Lương Quốc Việt	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân Vina	1.417.500.000	1.417.500.000
- Các cổ đông khác	13.155.000.000	13.155.000.000
	<b>89.372.500.000</b>	<b>89.372.500.000</b>



**CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,

Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
+ Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	4.468.625.000	4.468.625.000

**17.3 CỔ PHIẾU**

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.937.250	8.937.250

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**  
 Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2019</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>4.969.221.487</b>	<b>95.242.255.828</b>
- Lãi trong năm	-	-	4.272.281.340	4.272.281.340
- Chi trả cổ tức	-	-	(4.468.625.000)	(4.468.625.000)
<b>31/12/2019</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>4.772.877.827</b>	<b>95.045.912.168</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>4.772.877.827</b>	<b>95.045.912.168</b>
- Lãi trong năm	-	-	4.817.315.618	4.817.315.618
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	(4.468.625.000)	(4.468.625.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>89.372.500.000</b>	<b>900.534.341</b>	<b>4.921.568.445</b>	<b>95.194.602.786</b>

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 09/NQ-VECS ngày 28/05/2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	18.955.046.271	8.858.483.616
- Doanh thu dịch vụ	51.364.363.276	63.496.287.422
	<b>70.319.409.547</b>	<b>72.354.771.038</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	<b>49.254.742.997</b>	<b>53.369.589.922</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	18.369.195.929	7.390.065.104
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	40.710.937.048	54.505.122.971
	<b>59.080.132.977</b>	<b>61.895.188.075</b>

**20. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.636.931.833	2.075.610.938
	<b>1.636.931.833</b>	<b>2.075.610.938</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí lãi vay	159.090.827	75.994.230
	<b>159.090.827</b>	<b>75.994.230</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Nhân viên quản lý	4.336.153.127	4.426.208.872
- Nguyên vật liệu	111.286.070	133.868.440
- Chi phí đồ dùng văn phòng	96.161.558	144.126.870
- Khấu hao tài sản cố định	172.790.304	172.790.304
- Thuế, phí và lệ phí	36.026.494	52.617.822
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.339.872.523	1.171.604.506
- Chi phí bằng tiền khác	309.989.364	292.619.743
- Chi phí dự phòng	592.937.935	592.937.935
	<b>6.995.217.375</b>	<b>6.986.774.492</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Các khoản chi phí khác	97.470.555	94.858.803
	<b>97.470.555</b>	<b>94.858.803</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.817.315.618	4.272.281.340
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(200.000.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(200.000.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	(200.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.817.315.618	4.072.281.340
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.937.250	8.937.250
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>539</b>	<b>456</b>

(\*): Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/05/2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 được trình bày lại là 456 VND/Cổ phiếu (số đã trình bày là 478 VND/cổ phiếu).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.449.007.995	133.868.440
- Chi phí nhân công	29.026.983.580	31.380.075.907
- Chi phí công cụ dụng cụ	706.734.322	801.446.366
- Khấu hao tài sản cố định	591.068.700	582.002.226
- Thuế, phí, lệ phí	327.417.822	52.617.822
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.601.173.807	19.854.863.390
- Chi phí bằng tiền khác	17.596.258.780	19.500.105.209
- Chi phí dự phòng	592.937.935	592.937.935
	<b>72.891.582.941</b>	<b>72.897.917.295</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.624.429.646</b>	<b>5.377.566.377</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>140.670.555</b>	<b>148.858.803</b>
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	43.200.000	54.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	97.470.555	94.858.803
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>5.765.100.201</b>	<b>5.526.425.180</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>5.765.100.201</b>	<b>5.526.425.180</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.153.020.040</b>	<b>1.105.285.036</b>
Số thuế TNDN được miễn giảm 30% theo Nghị định 114/2020	(345.906.012)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>807.114.028</b>	<b>1.105.285.036</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực: Hoạt động cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác, giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2020	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.955.046.271	51.364.363.276	70.319.409.547
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>18.955.046.271</b>	<b>51.364.363.276</b>	<b>70.319.409.547</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	585.850.342	10.653.426.228	11.239.276.570
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.995.217.375)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>4.244.059.195</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.636.931.833
Chi phí tài chính			(159.090.827)
Chi phí khác			(97.470.555)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(807.114.028)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>4.817.315.618</b>

**28. THÔNG TIN KHÁC**

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	Cổ đông
2	Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Cùng nhà đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu với bên có liên quan</b>	<b>49.254.742.997</b>	<b>53.369.589.922</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	49.254.742.997	45.801.807.162
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	-	7.567.782.760

**28.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>341.593.332</b>	<b>11.363.055.573</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	8.521.462.241
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	341.593.332	2.841.593.332
<b>Phải thu khác</b>	<b>22.051.719.062</b>	<b>15.270.176.926</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	21.612.657.513	14.831.115.377
- Công ty CP Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	439.061.549	439.061.549

**29. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Bùi Thái Hòa

Nguyễn Xuân Hoàng

Phạm Thị Hiền